

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42A/2020/DS-ST

Ngày: 18-4-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Trình**

Ông **Mai Văn Du**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Thoảng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLST – DS ngày 14/5/2020 về *“Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”* và thụ lý yêu cầu độc lập số 53A/TB-TLBSST-DS ngày 28/7/2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/2/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần T** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng TMCP T hoặc T); Địa chỉ trụ sở chính: Số 57 đường L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Số 271 đường N, quận T, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh P**; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: **Bùi Công Duy P**; Chức vụ: Chuyên viên khách hàng-phòng KHCN- Ngân hàng TMCP Tiên Phong –TTB Miền Trung Đà Nẵng. Ông P Có mặt,

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 62, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 thì nguyên đơn bà Mai Lan A trình bày:

Vào ngày 15/7/2019, ông Nguyễn Hữu T nhận đặt cọc của bà Mai Lan A để mua bán chiếc xe ô tô con, BKS 43A-359.18 nhãn hiệu AUDI, số loại A4, số máy CVK025043, số khung ZF43HNO54299, màu đen theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 057399 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 28/6/2018. Tài sản hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Đà Nẵng với giá 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Bà Mai Lan A đặt cọc trước cho ông Tuấn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), ông Tuấn hẹn trong vòng 06 tháng đi công chứng sang tên. Nhưng đến ngày đi công chứng mà ông T không chịu đi công chứng sang tên, cố tình lẩn trốn, đến nay ông Tuấn vẫn không trả tiền cũng như không giao xe cho bà Lan A. Vì vậy, bà Mai Lan A khởi kiện ông Nguyễn Hữu T, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho bà tổng cộng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), trong đó gồm các khoản: Tiền đặt cọc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); Tiền phạt cọc: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Ngày 17/7/2020 Ngân hàng TMCP T có đơn yêu cầu độc lập đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T. Theo đó, đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP T và bản tự khai của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng trình bày:

Ông Nguyễn Hữu T vay vốn tại T, theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 880/2018/HDTD/TTB MT/01 ký ngày 02/7/2018 giữa ông Nguyễn Hữu T với Ngân hàng TMCP T cụ thể như sau:

Số tiền vay, mục đích vay và thời hạn vay như sau: Tổng cộng số tiền vay là 1.352.000.000 đồng, gồm 02 khoản vay: Khoản vay 1.252.000.000 đồng, mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay là 84 tháng; khoản vay 100.000.000 đồng, mục đích vay mua Bảo hiểm An tâm tín dụng, thời hạn vay 36 tháng.

Về lãi suất: Theo hợp đồng thì lãi suất linh hoạt. Lãi suất trong hạn: Đối với khoản vay 1.252.000.000 đồng, lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 02/7/2019 là 9,4%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 02/7/2025 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.3%/năm. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng kể từ 02/07/2018 cho đến ngày 02/10/2018 là 23,3%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 02/07/2021 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 15.3 %. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: AUDI A4 2.0 TFSI ultra Sline; Loại xe: ô tô con; Màu sơn: Đen; Biển kiểm soát: 43A-359.18; Số khung: WAUZZZF43HNO54299; Số máy: CVK025043 theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 057399 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/06/2018 cho ông Nguyễn Hữu T.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn Hữu T đã vi phạm hợp đồng vay đã ký kết giữa khách hàng và T, cụ thể: Ông Tuấn mới chỉ thanh toán cho T tổng số tiền 547.311.637 đồng gồm: nợ gốc: 335.968.260 đồng, nợ lãi 211.343.377 đồng. Kể từ ngày 25/02/2020 cho đến nay ông Nguyễn Hữu T không thanh toán khoản vay cho T, tạm tính đến ngày 14/7/2020, ông Nguyễn Hữu T còn nợ T số tiền: Nợ gốc: 1.016.031.740 đồng; Nợ lãi: 57.971.635 đồng, tổng cộng là: 1.074.003.375 đồng.

Do ông Nguyễn Hữu T đã vi phạm hợp đồng vay đã ký kết với T nên TPBank khởi kiện ông Nguyễn Hữu Tuấn:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; Tạm tính đến ngày 14/07/2020 gồm: Nợ gốc : 1.016.031.740 đồng, Nợ lãi : 57.971.635 đồng. Tổng cộng là: 1.074.003.375 đồng (*Một tỷ, không trăm bảy bốn triệu, không trăm không ba nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*).

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày ông Nguyễn Hữu T thực tế thanh toán hết nợ cho T.

Yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mại các tài sản của ông Nguyễn Hữu Tuấn để thu hồi nợ cho T trong trường hợp ông Nguyễn Hữu T không thanh toán, cụ thể như sau: 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: AUDI A4 2.0 TFSI ultra S line; Loại xe: ô tô con; Màu sơn: Đen; Biển kiểm soát: 43A-359.18; Số khung: WAUZZZF43HNO54299; Số máy: CVK025043 theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 057399 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/06/2018 cho ông Nguyễn Hữu T.

Ngày 29/3/2022, nguyên đơn bà Mai Lan A có đơn xin rút toàn bộ nội dung khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T. Ngày 29/3/2022, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án dân sự số 32/2022/QĐST-DS, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Mai Lan A đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T bao gồm: Buộc ông Nguyễn Hữu T phải trả cho bà tổng cộng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), trong đó gồm các khoản: Tiền đặt cọc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); Tiền phạt cọc: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Ngày 29/3/2022, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã ban hành thông báo về việc thay đổi địa vị tố tụng số 53/TB-TA, theo đó Tòa án xác định lại địa vị tố tụng của các đương sự trong vụ như sau:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần T; Địa chỉ trụ sở chính: Số 57 đường L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Số 271 đường N, quận T, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 62, phường H, quận H, TP Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T giữa nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho T tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử, ngày 18/4/2022) là: 1.365.898.390 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.016.031.740 đồng; Nợ lãi: 349.866.650 đồng, trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 220.797.504 đồng (*trong đó lãi trong hạn của khoản vay 1.252.000.000 đồng là 212.591.500 đồng, lãi trong hạn của khoản vay 100.000.000 đồng là 8.206.004 đồng*); lãi quá hạn: 103.010.557 đồng (*trong đó gồm: Lãi quá hạn của khoản vay 1.252.000.000 đồng là 78.655.995 đồng, lãi trong hạn của khoản vay 100.000.000 đồng là 24.354.562 đồng*); Lãi chậm trả (*Lãi trên số tiền lãi chậm trả - mức lãi 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả*): 26.058.589 đồng (*trong đó: Lãi chậm trả của khoản vay 1.252.000.000 đồng là 24.723.369 đồng, lãi chậm trả của khoản vay 100.000.000 đồng là 1.335.220 đồng*).

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải tiếp tục trả lãi và phạt trên tổng số tiền chưa thanh toán cho T kể từ ngày 19/4/2022 cho đến khi ông T thanh toán hết các nghĩa vụ với TPBank.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Hữu T không thanh toán toàn bộ các khoản nợ, T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ các tài sản đang thế chấp tại T để thu hồi nợ, cụ thể: 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: AUDI A4 2.0 TFSI ultra S line; Loại xe: ô tô con; Màu sơn: Đen; Biển kiểm soát: 43A-359.18; Số khung: WAUZZZF43HNO54299; Số máy: CVK025043 theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 057399 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/06/2018 cho ông Nguyễn Hữu T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu T đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu Tuấn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T.

Quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Hữu T nhưng ông Tuấn không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải, nhiều lần vắng mặt tại các phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự 2015; Án lệ số 08/2016 được công bố theo Quyết định số 698-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T:

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho TPBank tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử, ngày 18/4/2022) là: 1.365.898.390 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.016.031.740 đồng; nợ lãi: 349.866.650 đồng, trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 220.797.504 đồng; lãi quá hạn: 103.010.557 đồng; Lãi chậm trả (*Lãi trên số tiền lãi chậm trả*): 26.058.589 đồng.

Kể từ ngày 19/4/2022 ông Nguyễn Hữu T còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho T theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Tuấn thanh toán hết các nghĩa vụ với T.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Hữu T không thanh toán toàn bộ các khoản nợ, T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ các tài sản đang thế chấp tại T để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu T đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu Tuấn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T và bị đơn là ông Nguyễn Hữu T nên quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T có địa chỉ tại tổ 62, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu T.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng và tại phiên nguyên đơn Ngân hàng TMCP T giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho T tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử, ngày 18/4/2022) là: 1.365.898.390 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.016.031.740 đồng; Nợ lãi: 349.866.650 đồng, trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 220.797.504 đồng; lãi quá hạn: 103.010.557 đồng; Lãi suất chậm trả (*Lãi trên số tiền lãi chậm trả*): 26.058.589 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hữu T phải tiếp tục trả tiền lãi và tiền phạt kể từ ngày 19/4/2022 cho đến khi ông Tuấn thanh toán hết các nghĩa vụ với T.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Hữu T không thanh toán toàn bộ các khoản nợ, T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ các tài sản đang thế chấp tại T để thu hồi nợ, cụ thể: 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: AUDI A4 2.0 TFSI ultra S line; loại xe: ô tô con; Màu sơn: Đen; Biển kiểm soát: 43A-359.18; Số khung: WAUZZZF43HNO54299; Số máy: CVK025043 theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 057399 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/06/2018 cho ông Nguyễn Hữu T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu T đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T.

[3] Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của các đương sự trong suốt quá trình tố tụng, quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T thanh toán khoản nợ gốc với số tiền: 1.016.031.740 đồng:

Xét thấy, ngày 02/7/2018, Ngân hàng TMCP T và ông Nguyễn Hữu T ký kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 880/2018/HDTD/TTB MT/01. Theo hợp đồng đã ký kết thì số tiền vay, mục đích vay, lãi suất, tài sản thế chấp như sau: Tổng

số tiền vay là 1.352.000.000 đồng, trong đó bao gồm 02 khoản vay, khoản vay thứ nhất: 1.252.000.000 đồng, mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay là 84 tháng; khoản vay thứ hai: 100.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán Bảo hiểm An tâm tín dụng, thời hạn vay 36 tháng. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc và lãi nhiều lần, định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Hữu T đã thanh toán cho T được tổng số tiền 547.311.637 đồng, bao gồm: nợ gốc: 335.968.260 đồng (*trong đó khoản vay 1.252.000.000 đồng trả được 283.190.478 đồng, còn lại 968.809.522 đồng; khoản vay 100.000.000 đồng trả được 52.777.782 đồng, còn lại 47.222.218 đồng*); nợ lãi: 211.343.377 đồng (*bao gồm: lãi đã trả của khoản vay 1.252.000.000 đồng là 183.823.166 đồng; Lãi của khoản vay 100.000.000 đồng là 27.520.211 đồng*). Kể từ 25/02/2020 cho đến nay ông Nguyễn Hữu T không thanh toán khoản vay cho T. Như vậy, ông Nguyễn Hữu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại hợp đồng vay và bảng điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp ô tô. Vì vậy, Ngân hàng TMCP T có quyền khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T thanh toán khoản vay trước hạn. Tính đến ngày xét xử, ngày 18/4/2022 thì khoản nợ gốc ông Tuấn còn nợ chưa thanh toán cho T là: (1.352.000.000 đồng - 335.968.260 đồng) = **1.016.031.740 đồng**. Do đó, T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T thanh toán khoản tiền gốc 1.016.031.740 đồng (*một tỷ, không trăm mười sáu triệu, không trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng*) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T thanh toán khoản nợ lãi tạm tính đến ngày 18/4/2022 với số tiền 349.866.650 đồng, trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 220.797.504 đồng; lãi quá hạn: 103.010.557 đồng; Lãi suất chậm trả (*Lãi trên số tiền lãi chậm trả*): 26.058.589 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Như đã nhận định ở trên, quá trình thực hiện hợp đồng vay giữa ông Nguyễn Hữu T và T, thì ông Nguyễn Hữu Tuấn chỉ thanh toán được số tiền 547.311.637 đồng, bao gồm: nợ gốc: 335.968.260 đồng, nợ lãi 211.343.377 đồng. Từ ngày 25/02/2020 cho đến nay ông Nguyễn Hữu T không thanh toán nợ cho T. Số tiền gốc mà ông T chưa thanh toán là 1.016.031.740 đồng, cụ thể từng khoản vay như sau: Đối với khoản vay 1.252.000.000 đồng, nợ gốc còn lại là 968.809.522 đồng, trong đó nợ gốc trong hạn là 581.285.710 đồng, nợ gốc quá hạn là 387.523.812 đồng; khoản vay 100.000.000 đồng, còn lại nợ gốc quá hạn là 47.222.218 đồng.

Theo quy định của hợp đồng tín dụng và bảng điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp ô tô quy định: Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc và lãi nhiều lần, định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Lãi suất linh hoạt, đối với khoản vay 1.252.000.000 đồng, lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 02/7/2019 là 9,4%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 02/7/2025 lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của T tại thời điểm điều chỉnh cộng biên bộ 4.3%/năm. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng kể từ 02/07/2018 cho đến ngày 02/10/2018 là

23,3%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 02/07/2021 lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 15.3 %. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp khách hàng không thanh toán đúng hạn bất kỳ khoản nợ gốc và/hoặc lãi nào cho TPBank thì TPBank có quyền chủ động chuyển toàn bộ dự nợ của khách hàng sang nợ quá hạn.

Như vậy, theo quy định tại hợp đồng và bảng điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô giữa T và ông Nguyễn Hữu T nêu trên thì từ ngày 25/02/2020, T có quyền chủ động chuyển toàn bộ dự nợ sang nợ quá hạn và tính lãi theo lãi quá hạn. Tuy nhiên tại hợp đồng quy định trả gốc và lãi nhiều lần, định kỳ 1 lần/tháng nên T chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn đối với số tiền gốc đã quá hạn theo lịch trả nợ của T, đối với số tiền gốc chưa đến lịch trả nợ thì T chỉ tính lãi theo lãi suất trong hạn là có lợi cho khách hàng. Các quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả với mức lãi suất như đã nêu trên theo quy định tại hợp đồng và bảng điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô giữa T và ông Nguyễn Hữu T là sự thỏa thuận giữa khách hàng vay và tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, thì từ ngày 25/02/2020 ông Nguyễn Hữu T phải chịu khoản lãi suất trong hạn đối với khoản tiền gốc trong hạn với lãi suất theo các bên thỏa thuận; chịu lãi suất quá hạn đối với khoản tiền gốc quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; và chịu khoản lãi chậm trả theo mức lãi 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả. Theo cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả như đã nêu trên tương ứng với dự nợ gốc, dự nợ lãi và thời gian chậm trả thì từ ngày 25/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm-ngày 18/4/2022 bị đơn ông Nguyễn Hữu T phải chịu khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả với từng khoản vay cụ thể như sau:

Đối với khoản vay 1.252.000.000 đồng, dự nợ gốc còn lại là 968.809.522 đồng (*trong đó gồm gốc trong hạn là: 581.285.710 đồng, gốc quá hạn là: 378.523.812 đồng*) căn cứ lịch trả nợ, số tiền trả từng đợt, lãi suất từng thời kỳ, thời gian chậm trả lãi thì các khoản tiền lãi đối với khoản vay này như sau:

Lãi trong hạn: 212.591.500 đồng; lãi quá hạn: 78.655.995 đồng; lãi chậm trả (*lãi trên số tiền lãi chậm trả*) là: 24.723.369 đồng. Tổng cộng là: 315.970.864 đồng.

Tương tự như trên đối với khoản vay 100.000.000 đồng (*nợ gốc quá hạn còn lại là 47.222.218 đồng*), số tiền lãi trong hạn là: 8.206.004 đồng, lãi quá hạn: 24.354.562 đồng, Lãi chậm trả (*lãi trên số tiền lãi chậm trả*) là: 1.335.220 đồng. Tổng cộng là 33.895.786 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả mà ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T là: 449.866.650 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T là 1.365.898.390 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.016.031.740 đồng; Nợ lãi: 349.866.650 đồng, trong đó bao gồm: Lãi trong hạn: 220.797.504 đồng; lãi quá hạn: 103.010.557 đồng; Lãi suất chậm trả (*Lãi trên số tiền lãi chậm trả*): 26.058.589 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T về việc đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Xét thấy, để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Hữu Tuấn đã thế chấp cho Ngân hàng T 01 xe ô tô mang nhãn hiệu: AUDI A4 2.0 TFSI ultra S line; Loại xe: ô tô con; Màu sơn: Đen; Biển kiểm soát: 43A-359.18; Số khung: WAUZZZF43HNO54299; Số máy: CVK025043 theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 057399 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/06/2018 cho ông Nguyễn Hữu T. Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô này được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm. Theo mục 2.4.1 của hợp đồng quy định “*Khách hàng tự nguyện thế chấp các tài sản bảo đảm cùng mọi quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản bảo đảm qui định tại hợp đồng này để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại...*”. Do đó, nếu ông Nguyễn Hữu T vi phạm hợp đồng, không trả nợ cho T thì bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản để thu hồi nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản đảm bảo, trường hợp bị đơn ông Nguyễn Hữu T không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T, T có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn ông Nguyễn Hữu T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T.

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hữu T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 227, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự 2015;

Án lệ số 08/2016 được công bố theo Quyết định số 698-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

II. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T.

2.1 Buộc ông bị đơn ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền 1.365.898.390 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi đồng*), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 1.016.031.740 đồng (*một tỷ, không trăm mười sáu triệu, không trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng*)

- Nợ lãi: 349.866.650 đồng (*ba trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*), trong đó bao gồm:

+ Lãi trong hạn: 220.797.504 đồng (*hai trăm hai mươi triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ bốn đồng*).

+ Lãi quá hạn: 103.010.557 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu, không trăm mười nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng*).

+ Lãi chậm trả (*Lãi trên số tiền lãi chậm trả*): 26.058.589 đồng (*hai mươi sáu triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng*).

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 19/4/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, bị đơn ông Nguyễn Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 880/2018/HDTD/TTB MT/01 ngày 02/7/2018. Trường hợp trong đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2.3 Xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn ông Nguyễn Hữu T không thanh toán được bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: AUDI A4 2.0 TFSI ultra S line; loại xe: ô tô con; Màu sơn: Đen; Biển kiểm soát: 43A-359.18; Số khung: WAUZZZF43HN054299; Số

máy: CVK025043 theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 057399 do phòng cảnh sát giao thông - công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/06/2018 cho ông Nguyễn Hữu T để thu hồi nợ. Nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn ông Nguyễn Hữu T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu là: 52.976.951 đồng (*năm mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi một đồng*).

Hoàn trả cho ông Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 22.110.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, một trăm mười nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001295 ngày 28/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

2. 5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường